

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

### **NỘI DUNG**

<b>1. Tổng quan công ty</b>	<b>2</b>
<b>2. Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành phát triển của công ty</b>	<b>3</b>
<b>3. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh</b>	<b>7</b>
<b>4. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>9</b>
<b>5. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và ban giám đốc</b>	<b>11</b>
<b>6. Tổ chức nhân sự</b>	<b>13</b>
<b>7. Những biến động làm ảnh hưởng đến kết quả HDSXKD năm 2010</b>	<b>21</b>
<b>8. Danh mục nhãn hiệu</b>	<b>26</b>
<b>9. Một số sản phẩm chính của công ty</b>	<b>27</b>
<b>10. Chiến lược đầu tư và phát triển</b>	<b>31</b>
<b>11. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011</b>	<b>34</b>
<b>12. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2010</b>	<b>35</b>
<b>13. Cấu trúc cổ đông và cổ phiếu</b>	<b>36</b>
<b>14. Báo cáo ban kiểm soát năm 2010 (bản copy)</b>	
<b>15. Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 31 tháng 12 năm 2010 (bản copy)</b>	
<b>16. báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 31 tháng 12 năm 2010 (bản copy)</b>	

Mẫu CBTT-02

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ Năm báo cáo: năm 2010**

## **1. TỔNG QUAN CÔNG TY**

Được thành lập từ năm 1991 với gần 20 năm hoạt động trong ngành công nghiệp thực phẩm và giải khát ở Việt Nam, Interfood được xếp hạng là 1 trong những doanh nghiệp đứng đầu trong ngành công nghiệp nước trái cây và nhiều sản phẩm khác của Interfood cũng nắm giữ vị trí số 1 trên thị trường Việt Nam.

### **1.1. Hoạt động chính của Interfood:**

Hoạt động chính của công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, được muối, được ngâm dấm; sản xuất bánh quy, thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có ga và nước ép trái cây có độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và sản xuất chai nhựa PET.

### **1.2. Tầm nhìn của interfood**

- Trở thành một công ty hấp dẫn và có giá trị cho khách hàng bằng cách mang lại sức khỏe, sự hài lòng và thoải mái đến với cuộc sống của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm dựa trên nhu cầu của khách hàng.
- Trở thành một công ty đáng để mỗi nhân viên tự hào và tận hưởng một chất lượng cuộc sống tốt đẹp.
- Trở thành công ty hàng đầu trên thị trường nước giải khát của Việt Nam bằng cách chú trọng nhất quán vào người tiêu dùng và chất lượng sản phẩm và dịch vụ

### **1.3. Quy tắc ứng xử của interfood**

#### **• Chào hỏi**

- Chúng tôi sẽ chào đón khách hàng và đồng nghiệp của chúng tôi với thiện chí và sự biết ơn để thúc đẩy mối quan hệ giữa mọi người.

#### **• Chân thành**

- Chúng tôi sẽ luôn hành xử một cách chân thành để trở thành công ty được tin nhiệm bởi tất cả các bên như là khách hàng, cổ đông và toàn thể nhân viên của chúng tôi.

#### **• Tinh thần đồng đội**

- Chúng tôi đánh giá cao tầm quan trọng của tinh thần đồng đội và hợp tác để tối đa hóa những gì chúng tôi có thể mang lại cho xã hội.

#### **• Tính chuyên nghiệp**

- Chúng tôi tự hào là chuyên gia, những người cam kết về chất lượng tốt nhất và học hỏi liên tục.

#### **• Tập trung vào khách hàng**

- Chúng tôi sẽ luôn hành động tập trung vào quan điểm của khách hàng để nhất quan cải thiện và tăng cường các sản phẩm của chúng tôi.

## **2. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:**

# 1991

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế) – được thành lập vào ngày 16/11/21991 theo giấy phép đầu tư số. 270/GP được cấp bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp Tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư). IFPI là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động theo luật Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam. IFPI hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Exporters Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Vào năm 1996, IFPI đổi quyền sở hữu cho Công ty Trade Ocean Holding Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Theo giấy phép số.270/GPDC5 ngày 26/02/1996 được cấp bởi Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 USD.

# 1994

Năm 1994, Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bán bích qui.

# 2003

Năm 2003, Công ty được phép Sản xuất các sản phẩm nước trái cây có gaz và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%) ; vốn đầu tư của Công ty tăng lên 23.000.000 USD.

# 2004

Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với Công ty AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp mặt bằng, các tiện ích sản xuất... và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật...

# 2005

Tháng 1 năm 2005, công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET; tổng vốn đầu tư tăng lên 30.000.000 USD.

Năm 2003, Nghị định 38/2003/NĐ – CP của Chính phủ Về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần được ban hành. IFPI là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận. Từ ngày 09/08/2005, Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế được chuyển thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30,000,000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13,000,000 đô la Mỹ. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty là 13,000,000 cổ phiếu với mệnh giá là 1 đô la Mỹ trên một cổ phiếu được nắm giữ bởi bốn cổ đông sáng lập.

# 2006

Công ty chuyển trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trong cùng năm, ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3,620,560 cổ phần

mới tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu đã được niêm yết dưới mã “IFS” tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2007

Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 6.875.359. Trong đó số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung thêm tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 1.145.887 cổ phiếu theo Thụ chấp thuận số 936/UBCK-QLPH của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 06 năm 2007; theo đó, tổng số cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết là 6.875.359 cổ phiếu.

Công ty con, AVA Food, đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần dưới tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm; và cho thuê nhà xưởng.

## 2008

Trong năm 2008, Công ty đã thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Bao bì Thực phẩm Quốc Tế) là công ty con có 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu

tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ. Tuy nhiên, công ty không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động và đã hoàn tất việc chấm dứt dự án trong tháng 12 năm 2010

## 2009

Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy trong nội ô của thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị, hàng tồn kho cho nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.

Trong năm 2009, Công ty chuyển nhượng 70% vốn góp tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc Tế cho Crown Packaging Investment Pte.Ltd và trở thành cổ đông thiểu số nắm giữ 20% vốn góp tại công ty này. Sau đó, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc Tế đã đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).

## 2010

Trong năm 2010 Công ty đã nhượng bán 20% lợi ích đầu tư của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”) cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd

## 2011

Ngày 11 tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”) và thông qua TOH, Kirin đang sở hữu 57.25% cổ phần Công ty. Kirin là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo.

### 3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty:

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2010		31 tháng 12 năm 2009	
			USD	Triệu đồng	USD	Triệu đồng
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn						
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>						
Tiền	7	111	130.854	2.477	248.185	4.453
<b>Các khoản phải thu</b>						
Phải thu khách hàng		131	434.257	8.221	582.773	10.456
Trả trước cho nhà cung cấp		132	1.114.422	21.098	217.703	3.906
Phải thu khác	8	135	140.650	2.663	411.237	7.378
Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn		139	(24.405)	(462)	-	-
		130	1.664.924	31.520	1.211.713	21.740
<b>Hàng tồn kho</b>						
Hàng tồn kho	9	141	7.530.300	142.564	7.985.502	143.268
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	149	(146.582)	(2.775)	(744.522)	(13.357)
		140	7.383.718	139.789	7.240.980	129.911
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>						
Chi phí trả trước ngắn hạn		151	13.555	257	170.920	3.066
Thuế GTGT được khấu trừ		152	-	-	1.631	29
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	154	106.907	2.024	106.907	1.918
Tài sản ngắn hạn khác		158	77.129	1.460	57.207	1.027
		150	197.591	3.741	336.665	6.040
		100	9.377.087	177.527	9.037.543	162.144
Tài sản dài hạn						
<b>Tài sản cố định</b>						
Tài sản cố định hữu hình	11	221	21.111.296	399.679	22.740.266	407.983
- Nguyên giá		222	34.328.710	649.911	33.841.646	607.154
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(13.217.414)	(250.232)	(11.101.380)	(199.171)
Xây dựng cơ bản dở dang	12	230	188.896	3.576	410.742	7.369
		220	21.300.192	403.255	23.151.008	415.352
<b>Phải thu dài hạn</b>						
Phải thu dài hạn khác		228	-	-	884.738	15.873
<b>Đầu tư dài hạn</b>						
Đầu tư vào công ty liên kết	13	252	-	-	2.969.614	53.278
<b>Tài sản dài hạn khác</b>						
Chi phí trả trước dài hạn	14	261	1.432.197	27.114	1.467.213	26.323
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	262	2.135.050	40.421	2.337.065	41.929
Tài sản dài hạn khác		268	8.068	153	8.068	145
		260	3.575.315	67.688	3.812.346	68.397
		200	24.875.507	470.943	30.817.706	552.900
		270	34.252.594	648.470	39.855.249	715.044

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2010		31 tháng 12 năm 2009	
			USD	Triệu đồng	USD	Triệu đồng
<b>NGUỒN VỐN</b>						
Nợ phải trả						
<b>Nợ ngắn hạn</b>						
Vay và nợ ngắn hạn	16	311	<b>15.334.594</b>	<b>290.315</b>	14.126.867	253.450
Phải trả người bán	17	312	<b>5.050.620</b>	<b>95.618</b>	7.614.265	136.608
Người mua trả tiền trước		313	<b>249.998</b>	<b>4.733</b>	367.608	6.595
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	314	<b>538.567</b>	<b>10.196</b>	1.496.565	26.850
Phải trả người lao động		315	<b>444.303</b>	<b>8.412</b>	431.786	7.747
Chi phí phải trả	19	316	<b>464.741</b>	<b>8.798</b>	676.597	12.139
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	319	<b>160.059</b>	<b>3.030</b>	59.424	1.066
		310	<b>22.242.882</b>	<b>421.102</b>	24.773.112	444.455
<b>Nợ dài hạn</b>						
Nhận ký quỹ dài hạn		331	<b>1.255</b>	<b>24</b>	1.255	23
Vay và nợ dài hạn	21	334	<b>4.993.613</b>	<b>94.539</b>	8.487.130	152.268
Nợ thuế hoãn lại	22	335	<b>115.209</b>	<b>2.181</b>	81.221	1.457
Dự phòng trợ cấp thôi việc		336	<b>122.134</b>	<b>2.312</b>	117.627	2.110
		330	<b>5.232.211</b>	<b>99.056</b>	8.687.233	155.858
			<b>27.475.093</b>	<b>520.158</b>	33.460.345	600.313
<b>Nguồn vốn và chủ sở hữu</b>						
<b>Nguồn vốn và quỹ</b>						
Vốn cổ phần	23,24	411	<b>18.313.995</b>	<b>346.721</b>	18.313.995	328.571
Thặng dư vốn cổ phần	23	412	<b>4.082.759</b>	<b>77.295</b>	4.082.759	73.249
Các quỹ khác	23	419	<b>(1.562.092)</b>	<b>(29.574)</b>	(1.562.092)	(28.025)
Lỗi lũy kế	23	420	<b>(14.057.161)</b>	<b>(266.130)</b>	(14.439.758)	(259.064)
		410	<b>6.777.501</b>	<b>128.312</b>	6.394.904	114.731
<b>Lợi ích cổ đông thiểu số</b>						
Lợi ích cổ đông thiểu số	25	439	-	-	-	-
		440	<b>6.777.501</b>	<b>128.312</b>	6.394.904	114.731
			<b>34.252.594</b>	<b>648.470</b>	39.855.249	715.044



## 4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 4.1. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2010

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
			31 tháng 12 năm 2010		31 tháng 12 năm 2009	
			USD	Triệu đồng	USD	Triệu đồng
Tổng doanh thu	26	01	55.610.913	1.052.826	58.121.172	1.042.752
Các khoản giảm trừ	26	02	(1.427.294)	(27.022)	(2.515.849)	(45.137)
Doanh thu thuần		10	54.183.619	1.025.804	55.605.323	997.615
Giá vốn hàng bán	27	11	(41.362.168)	(783.069)	(44.092.069)	(791.056)
Lợi nhuận gộp		20	12.821.451	242.735	11.513.254	206.559
Doanh thu hoạt động tài chính	28	21	1.748.622	33.105	1.215.110	21.800
Chi phí hoạt động tài chính	29	22	(3.261.430)	(61.745)	(6.112.961)	(109.673)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		23	(1.855.247)	(35.124)	(2.793.169)	(50.112)
Chi phí bán hàng	30	24	(7.985.673)	(151.185)	(5.172.933)	(92.808)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	25	(2.682.000)	(50.776)	(2.358.677)	(42.317)
Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh		30	640.970	12.134	(916.207)	(16.439)
Thu nhập khác	32	31	712.511	13.489	693.985	12.451
Chi phí khác	33	32	(734.880)	(13.912)	(1.305.561)	(23.423)
Lãi (lỗ) trước thuế		50	618.601	11.711	(1.527.783)	(27.411)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	51	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	52	(236.004)	(4.468)	(17.941)	(322)
<b>Lãi (lỗ) thuần</b>			<b>382.597</b>	<b>7.243</b>	<b>(1.545.724)</b>	<b>(27.733)</b>
Lãi (lỗ) cho cổ đông thiểu số		59	-	-	103.871	1.864
<b>Lãi (lỗ) thuần trong năm cho cổ đông Công ty mẹ</b>		<b>60</b>	<b>382.597</b>	<b>7.243</b>	<b>(1.441.853)</b>	<b>(25.869)</b>
Lãi (lỗ) trên cổ phiếu – cơ bản & suy giảm (USD/ngàn đồng)	39	70	0,013	0,249	(0,049)	(0,888)

## 4.2. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2010

Chỉ tiêu	Số kế hoạch		Số thực hiện		Tăng/Giảm		Ghi chú
	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày				
	31/12/2010		31/12/2010		Triệu đồng	%	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%	
Tổng doanh thu	1,094,890		1,052,826		(42,064)	96.2%	
Các khoản giảm trừ	(61,491)		(27,022)		34,469	43.9%	
Doanh thu thuần	1,033,398	100.0%	1,025,804	100.0%	(7,594)	99.3%	1
Giá vốn hàng bán	(818,631)	-79.2%	(783,069)	-76.3%	35,562	95.7%	2
Lợi nhuận gộp	214,767	20.8%	242,735	23.7%	27,968	113.0%	
Doanh thu hoạt động tài chính	11,438	1.1%	33,105	3.2%	21,667	289.4%	3
Chi phí hoạt động tài chính	(37,485)	-3.6%	(61,745)	-6.0%	(24,260)	164.7%	4
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>(32,006)</i>	<i>-3.1%</i>	<i>(35,124)</i>	<i>-3.4%</i>	<i>(3,118)</i>	<i>109.7%</i>	
Chi phí bán hàng	(84,068)	-8.1%	(151,185)	-14.7%	(67,117)	179.8%	5
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(52,848)	-5.1%	(50,776)	-4.9%	2,072	96.1%	
Lãi (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	51,804	5.0%	12,134	1.2%	(39,670)	23.4%	
Thu nhập khác	508	0.0%	13,489	1.3%	12,981		
Chi phí khác	(642)	-0.1%	(13,912)	-1.4%	(13,270)		
Lãi (Lỗ) trước thuế	51,670	5.0%	11,711	1.1%	(39,959)	22.7%	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		0.0%		0.0%			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	0.0%	(4,468)	-0.4%	(4,468)		
<b>Lãi (Lỗ) sau thuế</b>	<b>51,670</b>	<b>5.0%</b>	<b>7,243</b>	<b>0.7%</b>	<b>(44,427)</b>	<b>14.0%</b>	

Năm 2010, lãi trước thuế của Công ty Cổ phần thực phẩm Quốc tế đạt 11.711 triệu Đồng, giảm 76.58% so với số kế hoạch đặt ra là 51,670 triệu đồng. Nguyên nhân dẫn đến việc Công ty không đạt chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra như sau:

### 1) Doanh thu bán hàng

Về cơ bản, doanh thu thuần bán hàng của công ty đạt 1,025,804 triệu đồng, đạt 99.27% so với số kế hoạch là 1,033,398 triệu đồng. Như vậy doanh số thực hiện là tương đối sát với kế hoạch.

### 2) Giá vốn hàng bán

Chi phí Giá vốn hàng bán thực hiện là 783,069 triệu đồng, thấp hơn số kế hoạch là 818,631 triệu đồng, đạt mức 95.66% so với kế hoạch. Nguyên nhân của việc giảm trừ chi phí giá vốn hàng bán là do công ty thực hiện tốt chính sách tối đa hóa lợi ích từ các nguồn chi phí Nguyên vật liệu, nhân công, chi phí sản xuất chung và thực hiện tốt chính sách tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất. tỷ suất chi phí giá vốn hàng bán năm 2010 ở mức 76.3% so với doanh thu thuần, trong khi đó số thực tế thực hiện năm 2009 là 79.29%.

Do doanh thu tương đối đạt kế hoạch và chi phí giá vốn thấp hơn kế hoạch nên Công ty đã đạt được mức lợi nhuận gộp là 242,735 triệu đồng, đạt 113.02% so với kế hoạch đề ra.

**3) Doanh thu hoạt động tài chính**

Thu nhập từ hoạt động tài chính ở mức 33,105 triệu VND trong năm 2010 chủ yếu liên quan đến các khoản lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá 24.8 tỷ đồng và khoản lãi từ việc thanh lý khoản đầu tư vào công ty Crown Đồng nai (6,3 tỷ đồng). Do biến động tỷ giá khoảng 5.5% trong năm 2010, dẫn đến việc công ty đạt mức thực hiện của chỉ tiêu thu nhập từ hoạt động tài chính cao là 289.43% so với kế hoạch.

**4) Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính trong năm 2010 liên quan đến chi phí lãi vay 35.1 tỷ đồng và lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá là 26.5 tỷ đồng. Trong đó chi phí lãi vay tăng 9.74% so với chi phí dự kiến 32,006 triệu do ảnh hưởng mức lãi suất tiền vay trong năm 2010 tăng cao hơn năm 2009, tuy nhiên tổng tiền vay của công ty giảm.

**5) Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng tăng 79.84% do ảnh hưởng chủ yếu từ việc thay đổi cách hạch toán các khoản hỗ trợ cho nhà phân phối trong năm 2010, các khoản này trong các năm trước được hạch toán vào khoản giảm trừ doanh thu bán hàng.

## **5. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

### **Khái quát chung về công ty :**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế) - tên tiếng Anh là Interfood Shareholding Company - (“Công ty” hoặc “IFPI” hoặc “IFS”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991. Công ty hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. (TOH) là một công ty hữu hạn tư nhân chuyên về đầu tư (Investment Holdings), thành lập và đăng ký tại Malaysia.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 USD.

Năm 1994, Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh bích qui.

Sau đó, năm 2003, Công ty được phép Sản xuất các sản phẩm nước trái cây có gaz và nước trái cây có độ cồn nhẹ; vốn đầu tư của Công ty tăng lên 23.000.000 USD.

Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với Công ty AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp mặt bằng sản xuất và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật

Tháng 1 năm 2005, công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET; tổng vốn đầu tư tăng lên 30.000.000 USD.

Năm 2003, Nghị định 38/2003/NĐ – CP của Chính phủ Về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần được ban hành. IFPI là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận. Từ ngày 09/08/2005, Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế được chuyển thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30,000,000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13,000,000 đô la Mỹ. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty là 13,000,000 cổ phiếu với mệnh giá là 1 đô la Mỹ trên một cổ phiếu được nắm giữ bởi bốn cổ đông sáng lập.

Năm 2006, Công ty chuyển trụ sở và các hoạt động chính đến nhà máy mới tại là Khu Công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trong cùng năm, ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3,620,560 cổ phần mới tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu đã được bán dưới mã “IFS” tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 6.875.359. Trong đó số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung thêm tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 1.145.887 cổ phiếu theo Thư chấp thuận số

---

936/UBCK-QLPH của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 06 năm 2007; theo đó, tổng số cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết là 6.875.359 cổ phiếu.

Công ty con, AVA Food, đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần dưới tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm; và cho thuê nhà xưởng.

Trong năm 2008, Công ty đã thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Bao bì Thực phẩm Quốc tế) là công ty con có 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ. Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động nên đã hoàn tất việc chấm dứt dự án trong tháng 12 năm 2010

Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy trong nội ô của thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị, hàng tồn kho cho nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.

Trong năm 2009, Công ty chuyển nhượng 70% vốn góp tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc Tế cho Crown Packaging Investment Pte.Ltd và trở thành cổ đông thiểu số nắm giữ 20% vốn góp tại công ty này. Sau đó, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc Tế đã đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).

Trong năm 2010 Công ty đã nhượng bán 20% lợi ích đầu tư của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”) cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd .

Gần đây nhất vào tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”). Thông qua TOH, Kirin đang sở hữu 57.25% cổ phần Công ty. Kirin - một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo, là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, .

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nhóm công ty có 1.267 nhân viên (năm 2009: 1.228 nhân viên).

## 6. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY

#### 6.1. a. Hội đồng quản trị Công ty:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	PANG TEE CHIANG	Chủ tịch HĐQT	15/08/2006	31/05/2011
2	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Thành viên	15/08/2006	
3	PANG TZE YI	Thành viên	15/08/2006	14/03/2011
4	TENG PO WEN	Thành viên	15/08/2006	14/03/2011
5	YAU HAU JAN	Thành viên	15/08/2006	11/01/2010
6	PANG TZE WEI	Thành viên	28/08/2010	
7	RYOICHI YONEMURA	Thành viên	14/03/2011	
8	HIROSHI FUJIKAWA	Thành viên	14/03/2011	
9	MICHIO NAGABAYASHI	Chủ tịch HĐQT	31/05/2011	

#### 6.1.b. Ban giám đốc Công ty:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	PANG TEE CHIANG	Tổng giám đốc	15/08/2006	23/05/2011
2	YAU HAU JAN	Phó Tổng giám đốc	15/08/2006	11/01/2010
3	PANG TZE YI	Phó Tổng giám đốc 1	11/01/2010	14/03/2011
4	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Giám đốc	15/08/2006	
5	PANG TZE WEI	Phó Tổng giám đốc 2	29/08/2010	23/05/2011
6	MICHIO NAGABAYASHI	Tổng giám đốc	23/05/2011	
7	HAJIME KOBAYASHI	Giám đốc	23/05/2011	
8	KAZUFUMI NAGASHIMA	Giám đốc	23/05/2011	
9	HIDEFUMI MATSUO	Giám đốc	23/05/2011	

**6.2. Tóm tắt lý lịch của các nhân trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty:****SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- 1.Họ và tên : **MICHIO NAGABAYASHI**
- 2.Giới tính: Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: 14/10/1964
- 4.Nơi sinh: Tokyo – Japan
- 5.Quốc tịch : Japan
- 6.Dân tộc: Japanese
- 7.Quê quán: Tokyo,Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 1-18-21 Minami Oizumi Nerimaku Tokyo Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: + 083 8277226
- 10.Trình độ văn hóa : Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn :
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - /Deputy Manager marketing Department Kirin
  - /Temporary Transfer French Alcohol Company
  - /General Manager Regional Department of Miyazaki Prefecture Kirin
13. Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- 1.Họ và tên: **RYOICHI YONEMURA**
- 2.Giới tính : Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: August 15, 1959
- 4.Nơi sinh : Hokkaido, Japan
- 5.Quốc tịch : Japan
- 6.Dân tộc : Japanese
- 7.Quê quán : Hokkaido,Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 16-1 Matsukazedai, Aoba-ku, Yokohama-City, Kanagawa, Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : +81 3 5540 3587
- 10.Trình độ văn hóa: Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn: Bachelor of Commerce and Management
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Giám đốc Phòng Tài chính và kế toán Kirin Business Expert Company, Limited
- 13.Chức vụ công tác hiện nay:
  - Tổng giám đốc - phòng kế hoạch và chiến lược Kirin Holdings Company, Limited
  - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- 1.Họ và tên: **HIROSHI FUJIKAWA**
- 2.Giới tính: Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: May 6<sup>th</sup>, 1963
- 5.Quốc tịch: Japan
- 6.Dân tộc: Japanese
- 7.Quê quán: Tokyo, Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 6-18, Sotokanda, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: + 65 6832 5084
- 10.Trình độ văn hóa: Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật, chính trị
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):  
Phó tổng giám đốc - Phòng kế hoạch và chiến lược Kirin Holdings Company, Limited
- 13.Chức vụ công tác hiện nay:  
Giám đốc điều hành Kirin Holdings Singapore  
Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- 1.Họ và tên: **HIDEFUMI MATSUO**
- 2.Giới tính: Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: 25/10/1972
- 4.Nơi sinh: Kanagawa
- 5.Quốc tịch: Japan
- 6.Dân tộc: Japanese
- 7.Quê quán: Kanagawa, Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 4-50-9-2 Kamiasao, Asao-ku, Kawasaki City, Kanagawa, Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : + 84 613 511138
- 10.Trình độ văn hóa: Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):  
/Deputy Manager of Finance Section Finance and Accounting Department Kirin Group Office
- 13.Chức vụ công tác hiện nay:  
- Giám đốc Kiểm soát tài chính Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIM LIÊN**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 26/06/1967
4. Nơi sinh: Nam Định, Việt Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán : Quảng Nam, Việt Nam
8. Địa chỉ thường trú : 123/17/8 Quốc Lộ 1, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam



9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : +84 613 511138
10. Trình độ văn hóa: Đại học
11. Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học Kinh Tế, chuyên ngành Kế toán, chứng chỉ kế toán trưởng do Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- 12. Quá trình công tác** (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- . 1990 – 1992 Nhà máy dệt Thống Nhất Kế toán công ty
  - . 1992 – 1994 Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Phụ trách kế toán
  - . 1995 – 2003 Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Kế toán trưởng
  - . 2003 – nay Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Giám đốc tài chính
  - . 11/2001- nay Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Thành viên ban giám đốc  
(Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế.)
  - . 9/2005 – nay Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế. Thành viên hội đồng quản trị  
(Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế.)
- 13. Chức vụ công tác hiện nay:**
- Giám đốc tài chính / Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

### **SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: **PANG TZE WEI**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 8/06/1988
4. Nơi sinh: Malaysia
5. Quốc tịch: Malaysian
6. Dân tộc: Trung Hoa
7. Quê quán: Malaysia
8. Địa chỉ thường trú :  
30 Cangkat Minden Jalan 1,11700 Gelugor, Penang, Malaysia
9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan :+84 8 3827 7226
10. Trình độ văn hóa: Đại học
11. Trình độ chuyên môn: Simon Fraser University  
Bachelor of Business Administration, Concentration Finance
12. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):  
**Trade Ocean Holdings Sdn Bhd:**
  - Giám đốc (2008 – 2010)**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế :**
  - Trợ lý đặc biệt cho Chủ tịch (2006 – 2010)
  - Phó tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị (2010 – 23/05/2011)
13. Chức vụ công tác hiện nay:
  - Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

### 6.3. Ban Kiểm Soát

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	THÁI THU THẢO	Trưởng ban	28/09/2009	
2	SAW HENG SOO	Thành viên	28/09/2009	30/07/2011
3	LÂM QUYÊN QUÝ	Thành viên	28/09/2009	30/07/2011
4	HAJIME KOBAYASHI	Thành viên	30/07/2011	
5	KAZUFUMI NAGASHIMA	Thành viên	30/07/2011	

### 6.4. Tóm Tắt Lý Lịch Các Thành Viên Trong Ban Kiểm Soát Công Ty

#### **SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- Họ và tên: **THÁI THU THẢO**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 23/7/1966
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Vấp – Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú: 487/56 Lê Quang Định, F.1, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (84).8.38275711
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Đại học, Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1989 – 1992: Phó phòng kế toán -Cty Linh Xuân
  - 1992 – 1993: Kế toán -Trường Hoa Sen
  - 1993 – 1997: Kế toán tổng hợp - Cty Triumph International Vietnam Ltd.
  - 1998 – 2000: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kinh doanh – Trường tin học Informatics
  - 2000 – 2003: Kế toán trưởng - Cty ADCo. (Asphalt Distribution Company)
  - 2003 – nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng – Cty TNHH Saigon RDC
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng - Cty TNHH Saigon RDC
  - Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

#### **SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- Họ và tên: **HAJIME KOBAYASHI**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/07/1965
- Nơi sinh: Nagano, Japan
- Quốc tịch: Japan
- Dân tộc: Japanese
- Quê quán: Nagano, Japan
- Địa chỉ thường trú: 3-5 Namamugi, Tsurumi-ku, Yokohama-City, Kanagawa, Japan

- 
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +84 613 511138
  - 10.Trình độ văn hóa: Đại học
  - 11.Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
  - 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):  
Phó tổng giám đốc - Phòng kế hoạch và chiến lược Kirin Holdings Company, Limited
  - 13.Chức vụ công tác hiện nay :  
- Giám đốc kế hoạch / Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

### **SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- 1.Họ và tên: **KAZUFUMI NAGASHIMA**
- 2.Giới tính: Nam
- 3.Ngày tháng năm sinh: 25 /03/1966
- 4.Nơi sinh: Fukuoka, Japan
- 5.Quốc tịch: Japan
- 6.Dân tộc : Japanese
- 7.Quê quán: Tokyo,Japan
- 8.Địa chỉ thường trú: 22-33 Imayakami-cho, Kashiwa-City, Chiba Pref., 277-0074, Japan
- 9.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +84 613 511138
- 10.Trình độ văn hóa: Đại học
- 11.Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- 12.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):  
/R&D Staff, Packaging Development Department, Kirin  
/Loughborough University of Technology in UK  
/Senior Staff of Brewing and Utility Section, Kobe Plant, Kirin  
/Senior Staff of Packaging section, Toride Plant, Kirin.  
/Manager of Production & Quality Section, Production & Quality Control Dept. Kirin.  
/Manager of Packaging Section, Okayama Plant, Kirin
- 13.Chức vụ công tác hiện nay:  
- Giám đốc nhà máy / Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế

**6.5. Báo Cáo Thanh Toán Thù Lao HĐQT Và Ban Kiểm Soát Năm 2010**

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Đvt		VND
			Thù lao tháng	Tháng phục vụ	Cộng thù lao
<b>a/ Hội đồng quản trị</b>					
1	PANG TEE CHIANG	Chủ tịch	5,000,000	12	60,000,000
2	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Thành viên	5,000,000	12	60,000,000
3	PANG TZE YI	Thành viên	5,000,000	12	60,000,000
4	TENG PO WEN	Thành viên	5,000,000	12	60,000,000
5	PANG TZE WEI	Thành viên	5,000,000	4	20,000,000
	<b>Cộng</b>				<b>260,000,000</b>
<b>b/ Ban kiểm soát</b>					
1	THÁI THU THẢO	Trưởng ban	5,000,000	12	60,000,000
2	SAW HENG SOO	Thành viên	3,000,000	12	36,000,000
3	LÂM QUYỀN QUÝ	Thành viên	3,000,000	12	36,000,000
	<b>Cộng</b>				<b>132,000,000</b>
<b>C/ Lương và quyền lợi gộp khác</b>					
1	Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế				<b>7,675,720,062</b>
2	Công ty con - Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA				<b>1,843,726,368</b>
	<b>Cộng</b>				<b>9,519,446,430</b>
<b>Tổng cộng</b>					<b>9,911,446,430</b>

## **7. NHỮNG BIẾN ĐỘNG LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2010**

### **Quốc Tế:**

Thị trường và kinh tế thế giới vẫn đang trong thời kỳ “hậu” suy giảm kinh tế và khủng hoảng tài chính thế giới, nền kinh tế Mỹ phục hồi chậm, thị trường Châu Âu bộc lộ và đang lây lan ảnh hưởng từ khủng hoảng nợ công tại Hy Lạp. Thị trường tiền tệ diễn biến phức tạp và có những thời điểm căng thẳng, quan hệ tỷ giá giữa các đồng tiền của các nền kinh tế lớn đã phản ánh xu hướng cực đoan của chính sách mỗi quốc gia, các nước chưa thể tìm ra được cơ chế kiểm soát tiền tệ quốc tế được sự đồng thuận và phòng tránh rủi ro chung; đồng USD tiếp tục chính sách giảm giá; giá dầu tăng dần và giá vàng tăng đột biến; đồng Euro mất giá; đồng Nhân dân tệ được điều chỉnh nhưng mức tăng không đáng kể và ngày càng có tác động quan trọng hơn.

### **Tại Việt Nam:**

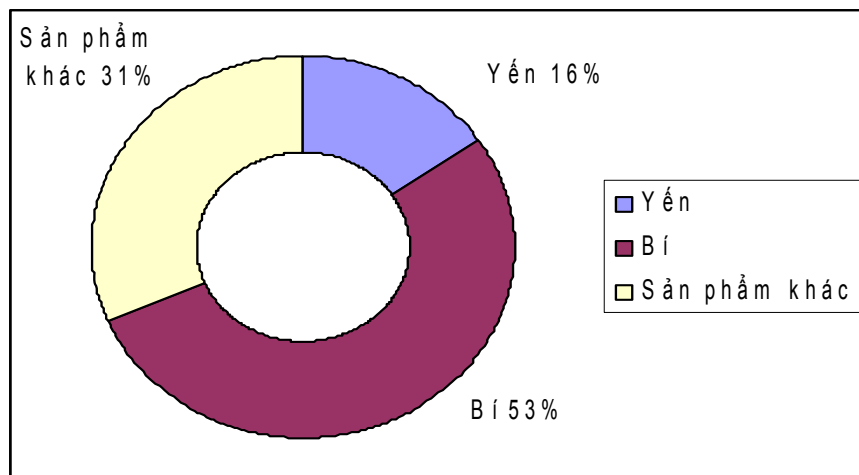
Năm 2010 với nhiều biến động về kinh tế, chính trị toàn thế giới đã ảnh hưởng lớn đến các quốc gia – trong đó có Việt Nam. Lạm phát trong năm 2010 là 11,75%, vượt quá chỉ tiêu của Chính phủ đề ra, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của từng doanh nghiệp – trong đó có Công ty Interfood.

Suy thoái kinh tế VN đã được ngăn chặn, thị trường nội địa và các doanh nghiệp bắt đầu phục hồi nhưng nhập siêu ở mức cao. Lạm phát được “kiềm chế” trong giai đoạn đầu năm nhưng vật giá bắt đầu tăng nhanh từ quý III, tiềm tàng nguy cơ lạm phát phi mã. Tỷ giá USD/VNĐ đã được điều chỉnh tăng nhẹ, tái diễn tình trạng lệch lớn giữa tỷ giá chính thức với giao dịch tự do từ quý IV-2010, lãi suất huy động và cho vay tăng mạnh từ cuối năm. Giá nguyên phụ liệu tăng dần đến mức hơn 25% so với cuối năm 2009.

Thị trường chứng khoán có khối lượng giao dịch tăng trong quý I, nhưng suy giảm dần đến cuối quý III-2010 do kinh tế và TTCK thế giới bấp bênh, do môi trường vĩ mô không ổn định và các chính sách tiền tệ nội địa chưa hiệu quả, và còn do những tác động đầu cơ làm giá trên thị trường, làm nhà đầu tư chuyển dòng tiền sang kênh khác hấp dẫn hơn trong khi lượng cổ phiếu mới đưa vào ngày càng nhiều. Với vai trò là “phong vũ biểu”, các chỉ số TTCK Việt Nam cho thấy dù nền kinh tế VN đang hồi phục nhưng còn nhiều bất ổn. Các chỉ số TTCK cuối năm chỉ gần khôi phục lại giá trị khởi đầu của 2010.

### **Công ty Interfood**

Công ty đã tập trung vào quy hoạch lại sản phẩm, giảm sản xuất các sản phẩm không có lợi thế cạnh tranh. Tập trung vào xây dựng 2 dòng sản phẩm chủ lực là Trà bí đao, Nước Yến, thông qua việc nâng cấp chất lượng sản phẩm, xây dựng hình ảnh và gia tăng sự hiện diện tại các điểm bán, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, quản lý giá bán thống nhất nhằm hạn chế xung đột giá trên kênh, thâm nhập các kênh phân phối mới như cơ quan xí nghiệp, trường học, bệnh viện... Kết quả là đã tạo được vị thế vững chắc cho 2 dòng sản phẩm Trà Bí Đao và Nước Yến.



Trong bối cảnh đó, Công ty đã đối mặt với những biến động và lạm phát của nền kinh tế để khắc phục những khó khăn của năm 2010, hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty vẫn đang tích cực, với sự hỗ trợ mạnh của thương hiệu. Bất chấp khủng hoảng tài chính, Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu 3% trong năm 2010. Đồng thời giá vốn hàng bán giảm 1% cùng với các yếu tố chi phí được cắt giảm khác thể hiện công ty đang trên đà khôi phục và phát triển.

Xét về khía cạnh đầu tư năm 2010 Công ty đã đạt được khoản thặng dư là 10% tổng giá trị đầu tư ban đầu tương đương 300,000USD từ việc nhượng bán thành công 20% lợi ích đầu tư của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).

Các nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của nhóm công ty Interfood trong năm 2010 như sau:

### **7.1. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến doanh thu:**

Sau khi cân đối các nguồn lực đầu tư, HĐQT đã quyết định trì hoãn việc đầu tư cho các sản phẩm mới trong năm 2010, trong đó ưu tiên tập trung vào đầu tư cho các sản phẩm lợi thế như Trà bí đao, nước yên, các loại thức uống trái cây để tạo ra các dòng sản phẩm mạnh mẽ trước khi mở rộng đầu tư cho các sản phẩm khác.

Trong năm qua, Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn như ảnh hưởng của lạm phát cao, những bất ổn về tỷ giá ngoại tệ và giá cả các nguyên vật liệu chính tăng đột biến từ 6% - 36% (đường, lon nhôm, Carton ...) trong khi áp lực cạnh tranh của các đối thủ mạnh cùng ngành không cho phép Công ty điều chỉnh giá bán nhiều – dẫn đến lãi trước thuế năm 2010 chỉ đạt 618,601 USD.

Công ty đã tập trung quản lý chặt chẽ nguyên liệu, bao bì - trong đó đặc biệt chú trọng những nguyên liệu, bao bì có tỷ trọng lớn như đường, lon, chai, carton, vv... để có được giá thành tốt nhất trong bối cảnh giá cả liên tục gia tăng trong năm qua. Ngoài ra, Công ty vẫn tiếp tục tập trung mạnh vào việc đầu tư theo Chiến lược dài hạn như: Khôi phục và quy hoạch lại hệ thống Nhà phân phối, hỗ trợ hoạt động cho họ.

Theo đánh giá của công ty, năm 2010 là năm thành công nhất so với 3 năm qua: từ lỗ 15,403,881 USD trong năm 2008 giảm xuống lỗ 1,441,853USD trong năm 2009 và đã có lợi nhuận sau thuế 382,597 USD trong năm 2010, chủ yếu là do nỗ lực quản lý tốt chi phí bán hàng, chi phí quản lý cùng với đóng góp từ hoạt động tài chính.... Công ty đã từng bước vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất, hiện nay hoạt động kinh doanh của Công ty đang từng bước được cải thiện và phát triển; Ban giám đốc Công ty đã và đang phối hợp với Hội Đồng Quản Trị trong lộ trình cải tổ và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Ban giám đốc Công ty có thể tự tin đánh giá rằng Công ty sẽ phát triển tốt trong tương lai.

## **7.2.Các nhân tố chính ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của công ty**

### **7.2.1.Hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Giá sinh hoạt tăng cao là nguyên nhân gây ra lạm phát tăng cao, Công ty vẫn duy trì điều chỉnh tăng lương cho người lao động, do đó chi phí nhân công của công ty trong năm 2010 tăng khoảng 22% so với năm 2009.
- Các chi phí liên quan đến xăng dầu do sự biến động tăng của giá xăng dầu trong nước và trên thế giới như chi phí nhiên liệu, vận chuyển... cũng tăng từ 2% đến 60%.
- Giá mua các nguyên liệu chính của công ty như: đường, dừa, nắm tuyết... tăng từ 9% đến 155%.
- Đặc biệt bao bì nhựa, giấy chiếm tỉ lệ lớn trong giá thành sản phẩm của công ty cũng tăng từ 25% đến 34%.
- Các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm như chi phí khai thác thị trường, khuyến mãi, huấn luyện nhân viên, lương, hoa hồng cho đội ngũ bán hàng... cũng tăng trên 135%.

### **7.2.2.Hoạt động tài chính:**

- Ngân hàng tài trợ chính của nhóm công ty là Vietcombank Đồng Nai đã tái cấu trúc một phần nợ ngắn hạn sang trung hạn 3.5 năm và cam kết hỗ trợ tài chính cho nhóm công ty trong thời gian năm năm tới
- Chủ tịch hội đồng quản trị công ty đã hỗ trợ nhóm công ty khoản vay trung hạn khoảng 5.5 triệu Dollars Mỹ thời hạn 5 năm.
- Ngoài ra, Công ty cũng đã nhận được cam kết hỗ trợ tài chính từ công ty mẹ để duy trì hoạt động, trong tình huống xấu.
- Chỉ số Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Phải trả ngắn hạn) năm 2010 là 0,42 lần tăng 16,6% so với năm 2009(0,36 lần).
- Công ty đã tiếp cận được nguồn vay với lãi suất hợp lý cho các khoản vay ngắn hạn bằng VND ở mức 12% - 15.5%/năm, và 6%-7%/năm đối với khoản vay bằng USD.

### **7.2.3. Hoạt động đầu tư:**

Công ty đã nhượng bán thành công 20% lợi ích đầu tư của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”) tương đương 3,300,000USD cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd với thặng dư là 10% tổng giá trị đầu tư ban đầu sau khi

---

cân nhắc kỹ lưỡng giá cả đã xác định và đàm phán bởi Hội đồng Quản trị Công ty. Việc chuyển nhượng nhằm tăng vốn hoạt động của Công ty.

### **7.3. Các nhân tố thuận lợi:**

- Dòng sản phẩm WONDERFARM đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng hiện đại ***“sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên và có lợi cho sức khỏe”***.

- Ưu thế vượt trội về chất lượng, mẫu mã và luôn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Sở hữu nhiều công nghệ sản xuất, dây chuyền hiện đại về nước giải khát, bánh và thực phẩm.

- Sản phẩm WONDERFARM gần gũi với người tiêu dùng Việt Nam, nhưng độc đáo vì được đóng chai hoặc lon trong điều kiện sản xuất đặc biệt để giữ lại các chất bổ dưỡng, có lợi cho cơ thể.

- Sản phẩm WONDERFARM đang được bán tại hơn 91.000 địa điểm bán lẻ trên toàn quốc và chúng tôi vẫn tiếp tục phát triển và mở rộng mạng lưới phân phối để bảo đảm sự thâm nhập hơn nữa vào thị trường.

- Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược bền vững với các nhà cung cấp, đảm bảo được nguồn nguyên liệu ổn định đáng tin cậy với giá cạnh tranh nhất trên thị trường;

- Liên tục hiện đại hóa thiết bị sản xuất, công nghệ và tiếp tục cải tiến năng suất sản xuất và giảm thiểu chi phí sản xuất chung. Công ty tiếp tục kiểm soát cấu trúc chi phí để đưa ra những giá sản phẩm hợp lý nhất để đối mặt với cạnh tranh ngày càng tăng của thị trường.

- Dòng sản phẩm truyền thống như Bí Đào, Nước Yên, Nha Đam, bánh các loại, thực phẩm đóng hộp, ... kết hợp với dòng sản phẩm hiện đại như Trà xanh các loại, sâm giải nhiệt, ... tất cả các sản phẩm nước giải khát này được đóng chai, lon hoặc hộp tiện lợi cho người sử dụng. Công ty đã kết hợp được tất cả ưu điểm của các yếu tố về chất lượng, mẫu mã, giá cả để tạo ra dòng sản phẩm mang đậm nét thương hiệu mạnh WONDERFARM như hiện nay;

- Những nhân tố thuận lợi nói trên đã nhanh chóng tạo được sự quan tâm của khách hàng đối với thương hiệu WONDERFARM, là thương hiệu thấm sâu vào trái tim người tiêu dùng với hình ảnh là thương hiệu thân thiện, mức độ tin dùng và yêu thích đối với dòng sản phẩm nước giải khát, bánh và thực phẩm đóng hộp khác.

### **7.4. Các chính sách kiểm soát chi phí của Công ty**

Kiểm soát chặt chẽ thu chi, thanh toán; theo dõi công nợ và thường xuyên thu thập thông tin, đánh giá tình hình tài chính của khách hàng; quản lý điều phối tốt dòng tiền bảo đảm cân đối tài chính cho các hoạt động theo kế hoạch tài chính/chi phí đã duyệt.

Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng, xuất nhập và tồn kho nguyên phụ liệu, vật tư kỹ thuật, bán thành phẩm và thành phẩm.



Cập nhật và cung cấp thông tin giá thành thực tế (*biến đổi nhanh theo chi phí nguyên vật liệu, điện, nhân công...*) làm cơ sở xây dựng giá bán cạnh tranh và phân tích giá thành thực tế để đánh giá hiệu quả theo từng sản phẩm.

Tất cả các phòng ban và phân xưởng đều xây dựng chương trình hành động để kiểm soát nhằm tiết kiệm điện năng, xăng dầu, nước, nhân lực, nguyên phụ liệu, văn phòng phẩm, chi phí vận chuyển giao hàng, giảm được phế liệu phế phẩm, loại bỏ các lãng phí đã nhận diện được, qua đó góp phần làm giảm giá thành và các chi phí hoạt động.

Thiết lập chế độ kiểm tra, thông tin, phản hồi, báo cáo nhằm phát hiện để chấn chỉnh xử lý kịp thời gắn liền với trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của từng cấp điều hành.

#### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc vẫn duy trì quyết định cắt giảm tối đa:**

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý: tinh giảm bộ máy quản lý nhưng vẫn đảm bảo năng lực quản trị, điều hành, và kiểm soát doanh nghiệp, hoàn thiện các quy trình công việc chuẩn mực, khoa học, hợp lý, áp dụng các phần mềm quản trị chuyên nghiệp.

- Cải tiến việc lập và lên kế hoạch sản xuất dẫn đến giảm thiểu hàng tồn kho: giúp tiết kiệm các các chi phí liên quan như: chi phí xử lý nguyên vật liệu, lỗi thời, hao hụt...Giảm số lượng hàng tồn kho còn giúp Công ty giảm một lượng chi phí lãi vay đáng kể đối với giá trị hàng tồn kho tồn đọng chưa luân chuyển kịp thời.

- Chi phí tài chính: Chuyển đổi các khoản vay lãi suất cao sang vay lãi suất thấp, chuyển khoản phải trả ngắn hạn thành vay trung hạn, tăng vòng quay vốn, giảm nhanh lượng hàng tồn kho để giảm dư nợ vay.

#### **7.5. Các chính sách, biện pháp để tối ưu hóa lợi nhuận thu được như sau:**

##### **. Chính sách tài chính**

. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu các tổn thất có thể xảy ra cho Công ty và cổ đông.

. Kiểm soát chặt chẽ việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh và tái cơ cấu vốn, đồng thời vốn hóa tài sản hợp lý.

. Tổ chức phân tích, đánh giá, kiểm soát các khoản chi phí, các hoạt động đầu tư trước khi thực hiện nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

. Tăng cường công tác dự báo và thường xuyên kiểm soát nội bộ theo đúng tiến độ thực hiện và tiến độ sử dụng ngân sách nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục tiêu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

. Làm tốt công tác dự báo về biến động giá cả, thị trường, nguồn vốn, để có những hoạt động dự trữ nguyên vật liệu thích hợp

. Tiếp tục mở rộng mối quan hệ với các tổ chức Tín dụng, Ngân hàng; nghiên cứu khai thác các kênh tạo nguồn vốn nhằm gia tăng tiềm lực về tài chính doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn cho các dự án đầu tư.

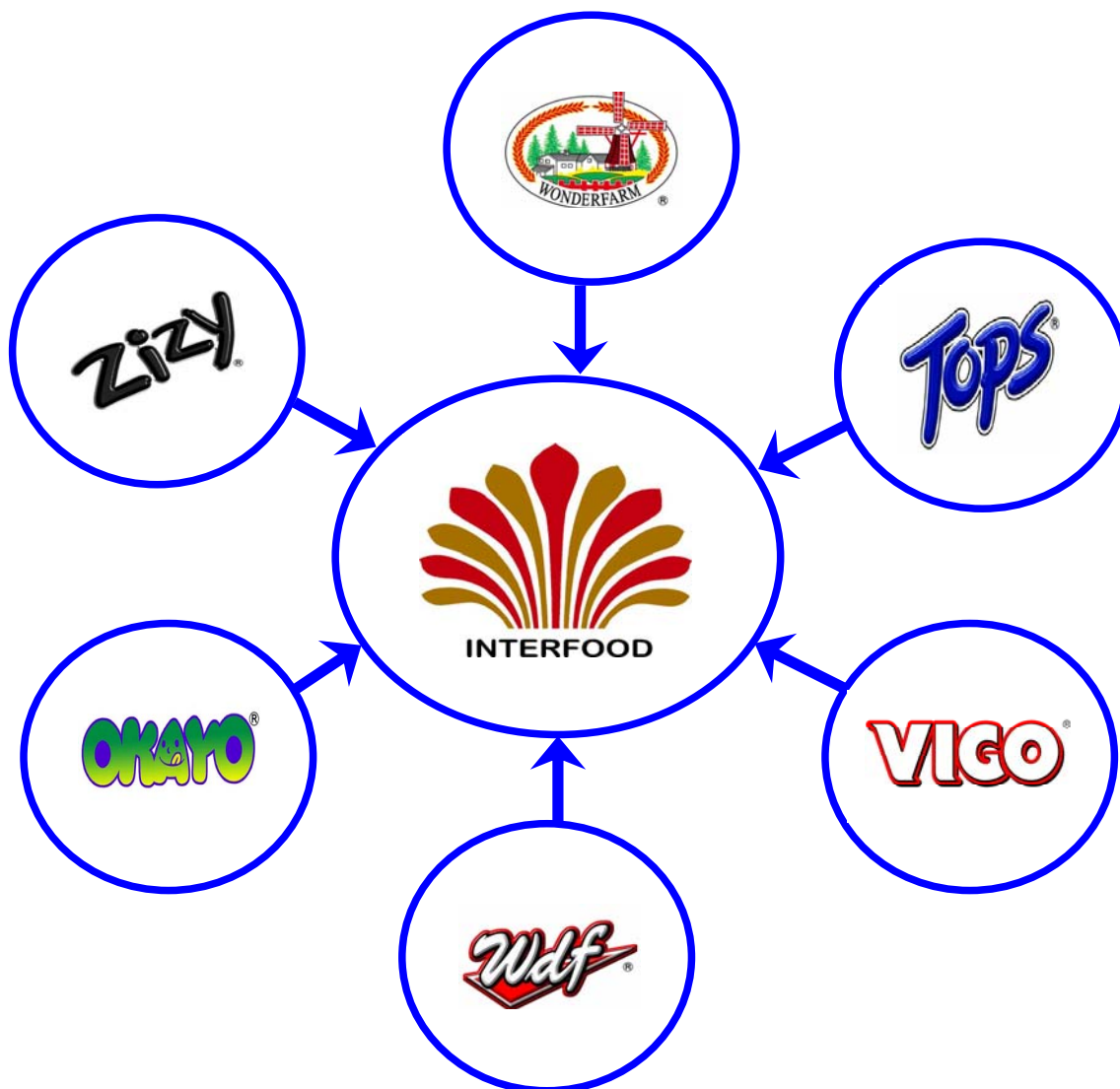
. Cân đối hàng hoá tồn kho phù hợp để giảm dư nợ vay ngắn hạn đồng nghĩa với việc giảm chi phí lãi vay.

#### **. Chính sách quan hệ khách hàng**

Đã thành lập và đưa vào hoạt động rất hiệu quả bộ phận chăm sóc khách hàng với nhiệm vụ: cùng phối hợp với bộ phận Marketing tổ chức thực hiện các chương trình chăm sóc khách hàng, tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc, và tư vấn cho khách hàng về sản phẩm.

## 8. DANH MỤC NHÃN HIỆU

### 06 THƯƠNG HIỆU TẠO DỰNG MỘT DOANH NGHIỆP



## 9. MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY

	<p>Bánh qui các loại</p>		<p>Bánh xốp</p>
	<p>Nước thơm đóng hộp (330ml)</p>		<p>Bánh Okayo</p>
	<p>Nước chanh giây đóng hộp (330ml)</p>		<p>Nước yến đóng hộp (250ml)</p>
	<p>Cà phê đóng hộp (250ml)</p>		<p>Sương sâm đóng hộp (330ml)</p>
	<p>Nước me đóng hộp (330ml)</p>		<p>Nước bí đao đóng hộp (330ml)</p>

---

### . Chính sách sản phẩm

Tiếp tục nghiên cứu và duy trì phát triển sản phẩm mới theo xu hướng và nhu cầu tiêu dùng của thị trường; **“sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên và có lợi cho sức khỏe”**.

Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh các mặt hàng nước giải khát có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng thông qua thương hiệu chủ lực Wonderfarm nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng tăng nhanh đối với các mặt hàng nước giải khát đến từ thiên nhiên và có lợi cho sức khỏe con người;

### . Kênh phân phối

Thiết kế mô hình phân phối mới mang tính chủ động cao, đảm bảo việc gia tăng và duy trì độ phủ bằng hoạt động bán lẻ chuyên sâu và đạt kết quả rất tốt, mô hình này sẽ tiếp tục được mở rộng ra các khu vực khác trên toàn quốc trong năm 2011. Mặt khác, cũng chú trọng đầu tư mạnh cho Marketing trong việc nghiên cứu quy hoạch và định vị lại sản phẩm, quy hoạch các dòng sản phẩm chủ lực có tiềm năng cao như Trà bí đao, Nước Yến, Trà Xanh, Nước Trái cây ... , cũng như đầu tư cho các công cụ Marketing nhằm hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động bán hàng. Công ty cũng đã kiểm soát tốt chi phí bán hàng bằng cách giao chỉ tiêu, đồng thời thẩm định, theo dõi các chương trình khuyến mãi nhằm nâng cao hiệu quả và giảm lãng phí.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Công ty đã thực hiện chiến lược phát triển dựa vào hệ thống phân phối Truyền thống và Hiện đại. Với việc quản lý tập trung và thống nhất theo các chính sách chung, thông qua hệ thống phân phối, Interfood đã kiểm soát chặt chẽ chất lượng các sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng cuối cùng. Điều này đã tạo dựng niềm tin vững vàng đối với các sản phẩm của Interfood.

Kênh phân phối là công cụ tạo lực đẩy để gia tăng mức độ bao phủ hàng, đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Hơn thế nữa, qua 19 năm phát triển, hệ thống phân phối bao phủ toàn quốc đã trở thành một ưu thế lớn của Interfood trong việc tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, linh hoạt trong các chính sách bán hàng để tạo ra dòng tiền ổn định. Trong gian đoạn khủng hoảng kinh tế vừa qua hệ thống phân phối Truyền thống và Hiện đại càng phát huy vai trò chiến lược, duy trì tính thanh khoản trong Interfood để tạo cơ sở ổn định sản xuất, khai thác được các cơ hội đầu tư, đón đầu thị trường khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi.

Mạng lưới hệ thống phân phối của Interfood bao phủ rộng khắp cả nước đến cuối năm 2010 là trên 91,000 điểm bán lẻ lớn nhỏ trên toàn quốc.

Trong năm 2010, Interfood cũng tiến hành cải tổ lại cấu trúc của hệ thống phân phối theo hướng chuẩn hóa kênh Truyền thống làm xương sống cho hệ thống phân phối, tạo nền tảng cho đà phát triển những năm sau.

### Thị trường nội địa

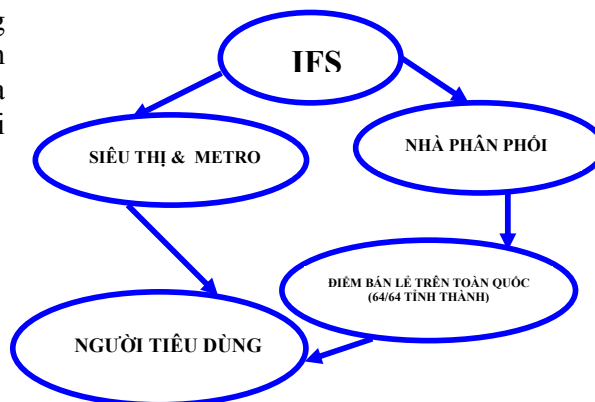
Doanh thu nội địa chiếm hơn 95,72% tổng doanh thu của Công ty và là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Sản phẩm được phân phối đến người tiêu dùng thông qua hai kênh:

#### **Truyền thống**

Nhà phân phối → điểm bán lẻ → người tiêu dùng.

#### **Hiện đại**

Siêu thị và Metro → người tiêu dùng



### Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ khoảng 4,28% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là các nước khu vực Châu Âu, Á, Úc, Mỹ, ...

Tiếp tục duy trì và mở rộng kinh doanh với khách hàng hiện tại, Công ty còn tích cực khai thác thị trường mới ở các nước khác nhau và khu vực. Công ty thường xuyên gửi các nhà quản lý của mình đi khảo sát các nhu cầu tiêu dùng của khách hàng ở nước ngoài để hiểu rõ hơn về tình hình thị trường và phát triển mối quan hệ tốt với khách hàng.

### Cổ tức

Lợi nhuận phát sinh trong năm 2010 sẽ được bù đắp các khoản lỗ của các năm trước và bổ sung vốn lưu động, công ty sẽ không kê khai và chia cổ tức năm 2010.

---

## **10. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**

### **10.1. Dự án đã thực hiện**

Đặt biệt, Công ty đã nhượng bán thành công 20% lợi ích đầu tư của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”) tương đương 3,300,000USD cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd với thặng dư là 10% tổng giá trị đầu tư ban đầu sau khi cân nhắc kỹ lưỡng giá cả đã xác định và đàm phán bởi Hội đồng Quản trị Công ty. Việc chuyển nhượng nhằm tăng vốn hoạt động của Công ty.

Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc nguồn vốn và các khoản nợ rất hiệu quả để tăng hiệu suất dòng tiền và tài sản.

### **10.2. Chiến lược phát triển năm 2011**

#### **10.2.1. Tiếp tục theo đuổi mục tiêu của Công ty là "tối đa hóa giá trị của cổ đông" và chiến lược phát triển kinh doanh dựa trên những yếu tố chủ lực của năm 2011 sau:**

Tiếp thị hiệu quả với giá bán cạnh tranh để có đầy đủ các đơn hàng trên cơ sở ưu tiên xuất khẩu và chọn lựa các khách hàng/đơn hàng nội địa có hiệu quả nhất để sản xuất.

Kiểm soát chặt chẽ để tiết kiệm vật tư nhiên liệu năng lượng, chống mọi biểu hiện lãng phí; thực hiện đồng bộ chương trình giảm phế liệu & chống sót lỗi hiệu quả - tập trung vào một số khâu then chốt.

Tiếp tục sử dụng các loại nguyên vật liệu, bao bì một cách hiệu quả để giảm chi phí sản xuất mà vẫn bảo đảm các thông số kỹ thuật & chất lượng sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ chất lượng cung cấp nguyên phụ liệu và vật tư kỹ thuật đầu vào, các định mức sử dụng vật tư sản xuất.

Kiểm soát chặt hoạt động cung ứng và có những biện pháp hợp lý về giá cả và khối lượng mua nguyên vật liệu trong tình hình thị giá nguyên liệu tăng và thay đổi nhanh theo tỷ giá USD, không để xảy ra tình trạng giá bình quân tồn kho cao hơn thị trường kể cả những khi thị giá có giảm đột biến.

Chú trọng quản trị rủi ro tài chính, kiểm soát tốt dòng tiền. Theo dõi xu hướng tỷ giá để khai thác lợi thế của nguồn thu USD từ bán hàng. Thường xuyên rà soát giá thành thực tế để có những chọn lựa và điều chỉnh phù hợp về chi phí sản xuất, giá bán.

Theo dõi cập nhật thường xuyên thông tin về chính sách tài chính kinh tế của các quốc gia và của nhà nước VN, về giá cả (*đầu vào và đầu ra*), về thị trường và khách hàng của công ty, từ đó có những quyết định linh hoạt, kịp thời, cụ thể, phù hợp với điều kiện khách quan/chủ quan và hiệu quả nhất.

- Đầu tư phát triển hệ thống phân phối Truyền thống và Hiện đại.
- Đa dạng hóa sản phẩm: Để mở rộng phạm vi sản phẩm của công ty bằng cách phát triển sản phẩm mới.
- Phát triển thương hiệu mạnh và thân thiện.
- Để thúc đẩy hình ảnh của thương hiệu công ty phát triển và tiếp thị dòng sản phẩm mới là trà các loại và các sản phẩm nước trái cây có lợi cho sức khỏe được thiết kế bao bì nhựa (chai PET).
- Thực hiện các chương trình marketing sáng tạo, đa dạng, hiệu quả để xây dựng hệ thống thương hiệu của Interfood ngày càng vững mạnh, tạo uy tín, thân thiện với người tiêu dùng trong lĩnh vực nước giải khát và thực phẩm.

- Để tăng cường lợi nhuận và khả năng cạnh tranh bằng cách thực hiện một kế hoạch tiết kiệm chi phí nhưng chất lượng sản phẩm vẫn không đổi đồng thời kết hợp với việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm;
- Đầu tư vào con người bằng cách đào tạo và giữ chân nhân tài qua việc Người lao động được đảm bảo thu nhập và việc làm; đời sống vật chất và tinh thần luôn được nâng cao để họ yên tâm công tác và phát huy được tính sáng tạo, chủ động trong công việc.

### **10.2.2. Sự hợp lực về chiến lược giữ Kirin và Interfood**

#### **Chiến lược rõ ràng**

- Thực hiện chiến lược hợp tác rõ ràng gắn kết với tầm nhìn của Tập Đoàn Kirin.
- Thực hiện tốt cơ cấu truyền thông xác lập rõ ràng để chia sẻ chiến lược và tầm nhìn doanh nghiệp mới của Interfood.

#### **Phát triển sản phẩm/Hỗ trợ công nghệ liên quan**

- Sử dụng kỹ thuật chuyên môn của Tập Đoàn Kirin phối hợp với mối quan hệ khách hàng để hỗ trợ phát triển sản phẩm.
- Hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển các sản phẩm trà xanh, trà đen, nước khoáng, các loại nước uống có ga và các sản phẩm khác có thể được cung cấp.
- Hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến công nghệ chế tạo, sản xuất, đóng gói và kiểm định chất lượng.

#### **Hệ thống Chuỗi Cung ứng được thiết lập tốt (SCM)**

- Thực hiện tốt cơ cấu chia sẻ thông tin được thiết lập tốt giữa Kinh Doanh và Sản xuất để nâng cao năng lực SCM của Interfood.
- Giới thiệu các kiến thức và kinh nghiệm của Tập Đoàn Kirin để đạt được sự tiến bộ hơn nữa đối với chất lượng sản phẩm và việc giảm chi phí sản xuất.

#### **Cùng mua hàng**

- Cùng mua các nguyên liệu để bảo đảm nguồn cung ổn định và giảm chi phí.

#### **Hỗ trợ xây dựng kênh phân phối “Thương mại Hiện Đại”**

- Cung cấp bí quyết kinh doanh mà Tập Đoàn Kirin tích lũy được thông qua một loạt các kênh phân phối sản phẩm rộng lớn (siêu thị, cửa hàng giảm giá, cửa hàng tiện lợi, v.v.) trong thị trường cạnh tranh tại Nhật Bản.

#### **Tăng cường khả năng tiếp thị**

- Thực hiện tốt cơ chế tiếp thị được xác lập rõ ràng.
- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại.

#### **Phát triển nguồn nhân lực**

- Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.
- Hỗ trợ cho các chuyên gia và các nhà chuyên môn, những người cam kết mang lại sản phẩm có chất lượng cao và an toàn.
- Hỗ trợ kỹ năng phát triển cho các nhân viên của Interfood thông qua trao đổi cá nhân, v.v.



### 10.2.3. Lộ trình 03 bước tiếp cận hợp tác giữa Kirin và Interfood

Chương trình này sẽ đi theo 3 bước tiếp cận để mở rộng hoạt động kinh doanh của Interfood bằng cách sử dụng năng lực của Tập Đoàn Kirin cho đến cuối năm 2012.

- Bước 1: Bắt đầu hợp tác.
- Bước 2: Kết nối triển khai
- Bước 3: Tối đa hóa năng lực của Tập Đoàn Kirin
- 

<b>Cuối tháng Sáu</b>	<b>Cuối năm 2011</b>	<b>Cuối năm 2012</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiến lược mới và tổ chức được triển khai.</li> <li>- Thành lập Đội nâng Cao Giá Trị Công ty.</li> <li>- Lập kế hoạch những chương trình nâng cao giá trị cần hoàn thành.</li> <li>- Toàn bộ nhân viên của Interfood hiểu rõ và có cùng quan điểm về chiến lược cũng như lộ trình cho đến năm 2012.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kế hoạch những chương trình nâng cao giá trị cần hoàn thành.</li> <li>- Hợp tác với Tập Đoàn Kirin được triển khai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng năng lực của Tập Đoàn Kirin để tối đa hóa hoạt động kinh doanh của Interfood.</li> <li>- Tối đa hóa hiệu quả trong khu vực Đông Nam Á bằng việc sử dụng năng lực của Tập Đoàn Kirin để mang lại kết quả cao ( ví dụ: dịch vụ được chi sẻ, thu mua tập trung. v.v).</li> </ul>

## 11. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH NĂM 2011 (HỢP NHẤT)

Mã	CHỈ TIÊU	2010		2011	
		USD	Triệu VND	USD	Triệu VND
1	Tổng doanh thu	55,610,913	1,052,826	45,203,690	932,010
3	Các khoản giảm trừ		-27,022	-203,690	-4,200
10	Doanh thu thuần	54,183,619	1,025,804	45,000,000	927,810
11	Giá vốn hàn bán	-41,362,168	-783,069	-34,345,928	-708,144
20	Lợi nhuận gộp	12,821,451	242,736	10,654,072	219,666
21	Doanh thu hoạt động tài chính	342,439	6,483	863,893	17,812
22	Chi phí hoạt động tài chính	-1,855,247	-35,124	-1,430,798	-29,500
24	Chi phí bán hàng	-7,985,673	-151,185	-7,949,073	-163,894
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-2,682,000	-50,776	-2,087,999	-43,050
	Cộng chi phí	-12,180,481	-230,601	-10,603,978	-218,633
30	Lãi từ hoạt động kinh doanh	640,970	12,135	50,094	1,033
40	Lãi khác thuần	-22,369	-423	48,906	1,008
50	Lãi/ (lỗ) trước thuế	618,601	11,711	99,000	2,041
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-236,004	-4,468		0
60	Lãi/(lỗ) sau thuế	382,597	7,243	99,000	2,041

### Đề cương Kế hoạch kinh doanh năm 2011

- Do thị trường nước giải khát đang bị cạnh tranh nhiều hơn và sở thích của khách hàng đã được đa dạng hoá, doanh thu nửa đầu năm 2011 của công ty giảm mạnh, vì vậy chúng tôi ước tính doanh thu thuần năm 2011 sẽ khoảng 45 triệu USD, giảm khoảng 17% so với năm 2010.
  - Trong nửa năm còn lại, để ngăn chặn các suy giảm doanh số bán hàng trong nửa đầu năm của công ty, chúng tôi sẽ thực hiện với khả năng tốt nhất của mình để chống đỡ suy giảm doanh số của sản phẩm chính "trà bí đao", tăng cường các biện pháp để thu hút người tiêu dùng trực tiếp và củng cố chất lượng của tất cả các sản phẩm.
  - Chúng tôi cũng tiếp tục tiết kiệm chi phí và thay đổi tài trợ để cải thiện hiệu suất của mình.
  - Kết quả là, chúng tôi sẽ giữ lợi nhuận ròng khoảng 99 nghìn USD trong kế hoạch kinh doanh năm 2011.
  - Và chúng tôi đang bắt đầu xem xét tầm quan trọng của sự hợp tác với tập đoàn Kirin để tạo ra sức mạnh tổng hợp của mình.
  - Chúng tôi đang kích thích để cải thiện IFS. Chúng tôi sẽ tách ra từ phong cách quản lý kiểu gia đình và phát triển là một trong những công ty thuộc Tập đoàn Kirin.
- Năm nay, chúng tôi sẽ tập trung vào thay đổi và phát triển cơ sở quản lý cho sự phát triển trong tương lai của mình.

## 12. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2009
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	<b>72,62</b>	77,32
Tài sản lưu động/tổng tài sản	%	<b>27,38</b>	22,68
<b>Cơ cấu vốn</b>			
Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	<b>80,21</b>	83,95
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	<b>19,79</b>	16,05
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tổng tài sản/nợ phải trả	lần	<b>1,25</b>	1,19
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	<b>0,42</b>	0,36
Khả năng thanh toán nhanh	lần	<b>0,01</b>	0,01
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Lỗ/doanh thu thuần</b>			
Lỗ trước thuế/doanh thu thuần	%	<b>1,14</b>	(2,75)
Lỗ sau thuế/doanh thu thuần	%	<b>0,71</b>	(2,78)
<b>Lỗ/tổng tài sản</b>			
Lỗ trước thuế/tổng tài sản	%	<b>1,81</b>	(3,83)
Lỗ sau thuế/tổng tài sản	%	<b>1,12</b>	(3,88)
<b>Lỗ sau thuế/vốn chủ sở hữu</b>	%	<b>5,65</b>	(24,17)

## 13. CẤU TRÚC CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU

### 13.1. CẤU TRÚC CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ phần	%
<b>1. Cổ đông Nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0.000%</b>		<b>0.000%</b>		<b>0.000%</b>
- Cổ đông ủy quyền						0.000%
- Cổ đông được cấp						0.000%
- Cổ đông khác						0.000%
<b>2. Cổ đông đặc biệt</b>	<b>12,860</b>	<b>0.044%</b>	<b>24,304,697</b>	<b>83.404%</b>	<b>24,317,557</b>	<b>83.448%</b>
- Cổ đông Hội đồng quản trị	12,000	0.041%			12,000	0.041%
- Ban giám đốc						0.000%
- Ban kiểm soát	860	0.003%	1,200	0.004%	2,060	0.007%
- Cổ đông khác (CD sáng lập)			24,303,497	83.400%	24,303,497	83.400%
<b>3. Cổ đông trong Công ty</b>	<b>0</b>	<b>0.00%</b>	<b>8</b>	<b>0.00%</b>	<b>8</b>	<b>0.000%</b>
- Cổ phiếu quỹ			8	0.000%	8	0.000%
- Cổ đông ưu đãi						0.000%
<b>4. Cổ đông thường</b>	<b>3,735,778</b>	<b>12.820%</b>	<b>1,087,649</b>	<b>3.732%</b>	<b>4,823,427</b>	<b>16.552%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,748,638</b>	<b>12.864%</b>	<b>25,392,354</b>	<b>87.136%</b>	<b>29,140,992</b>	<b>100.000%</b>

### 13.2. CẤU TRÚC CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG CÓ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết	Giá trị	Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết	Giá trị	Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết
<b>1. Cổ đông Nhà nước</b>		<b>0.000%</b>		<b>0.000%</b>		<b>0.000%</b>
- Cổ đông ủy quyền						
- Cổ đông được cấp						
- Cổ đông khác						
<b>2. Cổ đông đặc biệt</b>	<b>128,600,000</b>	<b>0.187%</b>	<b>20,390,720,000</b>	<b>29.658%</b>	<b>20,519,320,000</b>	<b>29.845%</b>
- Cổ đông Hội đồng quản trị	120,000,000	0.175%			120,000,000	0.175%
- Ban giám đốc						
- Ban kiểm soát	8,600,000	0.012%	12,000,000	0.018%	20,600,000	0.030%
- Cổ đông khác (CD sáng lập)			20,378,720,000	29.640%	20,378,720,000	29.640%
<b>3. Cổ đông trong Công ty</b>		<b>0.000%</b>		<b>0.000%</b>		<b>0.000%</b>
- Cổ phiếu quỹ						
- Cổ đông ưu đãi						
<b>4. Cổ đông thường</b>	<b>37,357,780,000</b>	<b>54.336%</b>	<b>10,876,490,000</b>	<b>15.820%</b>	<b>48,234,270,000</b>	<b>70.155%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>37,486,380,000</b>	<b>54.29%</b>	<b>31,267,210,000</b>	<b>45.71%</b>	<b>68,753,590,000</b>	<b>100.000%</b>

Trên đây là cơ cấu cổ đông đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 08/07/2011 tỉ lệ nắm giữ cổ phiếu của các thành phần cổ đông vẫn không thay đổi từ khi cổ phiếu của công ty bắt đầu niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện khác liên quan đến báo cáo thường niên được trình bày trong báo cáo tóm tắt và báo cáo của kiểm toán 2010 đính kèm.

**Thay mặt Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế  
Chủ tịch Hội Đồng quản trị  
(Đã ký và đóng dấu)**

**MICHIO NAGABAYASHI**